TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST Ngày: 04/9/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Danh Kim Tuyến

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà D, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị Võ N, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/5/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hà D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Võ N được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng anh sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau anh và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt đã nhiều lần hàn gắn không mang lại kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng

không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được, anh và chị N đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, nay anh nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Võ N. Đồng thời xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Anh D và chị Võ N có một con chung tên Hà V, sinh ngày 10/11/2020, hiện nay cháu V đang sống với ông bà ngoại anh cũng sống kế bên do bận đi làm nên anh gửi ông bà ngoại chăm sóc dùm, chị N hiện nay bỏ nhà đi không liên lạc về, theo đơn kiện anh giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng tại biên bản lấy lời khai lập ngày 29/7/2024 anh D thay đổi yêu cầu xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn chị Võ N đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xin vắng mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị N. Về con chung: Giao cháu Hà V, sinh ngày 10/11/2020 cho anh D nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị N theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hà D vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Võ N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà D và chị Võ N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 21/5/2020 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị N là hợp pháp, được pháp luật

bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh D và chị N, theo anh D cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt đã nhiều lần hàn gắn không mang lại kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được, anh và chị N đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Võ N. Quá trình tố tụng chị N đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của anh D. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh D và chị N đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh D và chị N là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho anh D được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Anh Hà D và chị Võ N có một con chung là cháu Hà V, sinh ngày 10/11/2020, theo anh D trình bày thì hiện nay cháu V đang sống chung với ông bà ngoại, anh cũng sống kế bên do bận đi làm nên anh gửi ông bà ngoại chăm sóc dùm, chị N hiện nay bỏ nhà đi không liên lạc về nên anh D có nguyện vọng nuôi con, chị N không có ý kiến phản đối, cháu V hiện nay còn nhỏ dưới 07 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Giữa anh D và chị N không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi cháu V. Anh D yêu cầu được nuôi con, việc nuôi con chưa đủ 18 tuổi khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha hoặc mẹ, hiện nay chị N hiện nay bỏ đi đâu không về địa phương, nhận được thông báo Tòa án về việc ly hôn và nuôi con nhưng chị N vẫn bỏ mặc, không quan tâm và cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu V và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu V cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị N không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Hà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005276

ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Chị Võ N không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà D được ly hôn với chị Võ N.

2/ Về con chung: Giao cháu Hà V, sinh ngày 10/11/2020 cho anh Hà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. chị Võ N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Anh Hà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005276 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Chị Võ N không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã T, H.T
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Vàng